

**Bộ phận Chiến lược đầu tư**
**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**
**Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
<b>MWG*</b>	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	10.7%	178.3%
<b>CTG</b>	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.3%	18.5%	-	-2.4%
<b>TDM</b>	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	13.0%	-	17.8%
<b>HAH*</b>	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	14.8%	189.0%
<b>OCB*</b>	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	4.1%	-	28.4%
<b>VHM*</b>	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	5.9%	41.3%
<b>SZC*</b>	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	59.0%	82.4%
<b>DHC*</b>	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	118.1%	144.6%
<b>ACB*</b>	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	14.4%	85.0%
<b>VPB*</b>	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	41.9%	148.9%
<b>MBB</b>	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	15.4%	-	123.2%
<b>VIB*</b>	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	33.1%	69.2%
<b>TPB*</b>	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	46.4%	89.1%
<b>PNJ*</b>	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	14.5%	88.6%
<b>SBT*</b>	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	6.2%	29.2%
<b>QNS*</b>	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	6.9%	-	35.8%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	-3.6%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	24.0%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	4.6%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	31.9%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	87.9%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	22.1%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	129.9%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	157.2%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	29.3%
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500	1:3	-6.6%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	95.5%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	14.1%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	34.8%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	23.3%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	89.3%
DIG*	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	193.7%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	39.1%
CEO*	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900	1:3	200.7%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	33.8%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	54.0%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	1.2%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	0.8%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	13.6%
FCN	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	82.7%
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	12.5%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	213.4%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	17.6%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	43.8%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	64.1%
SAM*	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	66.1%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	72.4%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	46.4%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	32.9%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	138.4%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	134.4%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	365.3%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	238.7%

**ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC**

Thị trường diễn biến tích cực trong nửa đầu buổi sáng, sau đó suy yếu và lùi về sát tham chiếu, đến buổi chiều thì chìm vào sắc đỏ nhẹ và dù nỗ lực trở lại nhưng phiên ATC giảm điểm đã khiến thị trường đóng cửa giảm nhẹ.

Tương quan tăng giảm nghiêng về phía giảm với số lượng mã giảm nhỉnh hơn trên toàn thị trường. Dù vậy thì nhóm cổ phiếu Thép lại có một ngày giao dịch tích cực với những mã tăng mạnh như HSG, NKG...

**VN-INDEX**



(Đồ thị ngày của VNIndex)

**Nhận định**

VNINDEX ngày 14/12/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa sát tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và cao hơn mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày cao hơn ngày liền trước và cao hơn trung bình.

⇒ Khối lượng và giá trị giao dịch tăng trở lại trong một ngày mà VN30 giảm còn VNMIDCAP và VNSMALLCAP tăng nhẹ. Việc khối lượng giao dịch gia tăng như vậy có thể nói là do các nhóm vốn hóa vừa và nhỏ, nhưng diễn biến trong buổi chiều thì nhìn chung vẫn là suy yếu cho cả thị trường, thay vì là sự phân hóa giữa hai nhóm này.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,390 – 1,410
Kháng cự	1,500 – 1,520

**TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS**
**Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – VCB VN**

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank, HoSE: VCB) công bố Nghị quyết HĐQT duyệt kế hoạch thực hiện chia trả cổ tức bằng tiền mặt 2020 và cổ phiếu năm 2019 với ngày 23/12 là đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông. Ngày 5/1/2022 sẽ là ngày chi trả cổ tức tiền mặt. Tổng tỷ lệ cổ tức thực hiện chia là 39,6%. Cụ thể, ngân hàng sẽ chia cổ tức tiền mặt 2020 với tỷ lệ 12%, 1 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng, tương đương với giá trị thanh toán 4.440 tỷ đồng. Trong khi đó, cổ tức bằng cổ phiếu năm 2019 là 27,6%, cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu sẽ được nhận 276 cổ phiếu mới.

**Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – LPB VN**

LienVietPostBank (HoSE: LPB) vừa thông báo Ngân hàng Nhà nước chấp thuận chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (Vietnam Post). Doanh nghiệp này là cổ đông lớn nhất đang nắm 10,15% vốn LienVietPostBank tương đương hơn 122 triệu cổ phiếu LPB. Sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đồng nghĩa, Vietnam Post có thể bán phần vốn tại LienVietPostBank.

**Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP- POW VN**

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power - Mã: POW) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2021. Tháng 11, tổng công ty chỉ đạt 1.436 tỷ đồng doanh thu, bằng 38% kế hoạch tháng và giảm tới 35% so với tháng 11/2020. Luỹ kế 11 tháng, doanh thu của PV Power ước đạt 23.164 tỷ đồng, giảm gần 11% so với cùng kỳ năm ngoái.

**SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY**

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
MML	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (4.900đ/cp)	15/12/2021	16/12/2021	24/12/2021
NUE	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (722đ/cp)	15/12/2021	16/12/2021	29/12/2021
KLB	Upcom	Giao dịch 41.586.082 cổ phiếu niêm yết bổ sung	15/12/2021	15/12/2021	15/12/2021
MSN	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, tạm ứng cổ tức đợt 2/2021 (250 đ/cp)	15/12/2021	16/12/2021	24/12/2021
SBD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	15/12/2021	16/12/2021	28/12/2021
VCF	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2021 (25.000 đ/cp)	15/12/2021	16/12/2021	24/12/2021
TRC	HSX	Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2021 (1.000 đ/cp)	15/12/2021	16/12/2021	14/01/2022
GLT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900 đ/cp)	15/12/2021	16/12/2021	29/12/2021
CII	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	15/12/2021	16/12/2021	15/12/2021

**THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG**
**1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.  
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.  
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

## FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

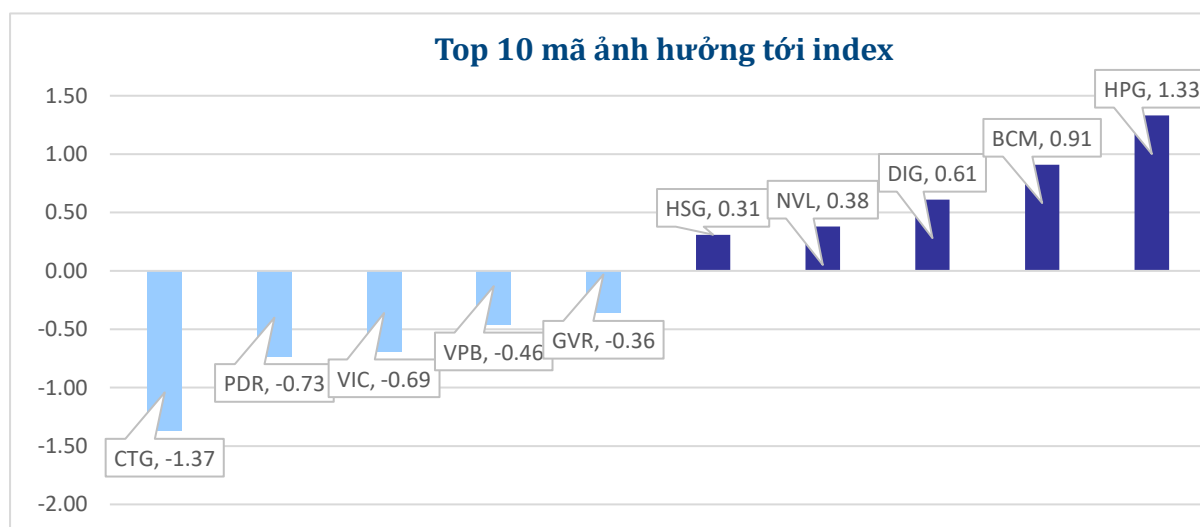
### BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,476.02	-0.01%	-0.19	964.11	27,653.3	194	44	265
Vn30 - Index	1,516.44	-0.29%	-4.36	189.33	9,117.7	9	2	19
Vn - Mid	2,102.24	0.88%	18.33	318.87	10,241.8	37	2	31
VN - Small	2,092.54	0.32%	6.76	258.81	4,828.1	73	12	105
HNX - Index	454.68	-0.63%	-2.88	108.10	3,002.9	93	55	191
Upcom - Index	112.09	-0.19%	-0.21	83.04	1,811.2	182	80	152

### THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	27,653.30	6.76%	964.11	11.38%
HNX	3,002.90	2.29%	108.10	0.02%

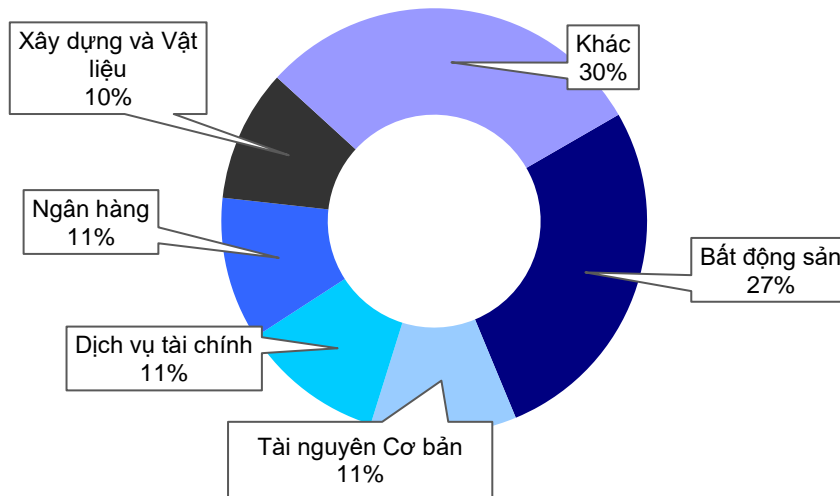
### CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



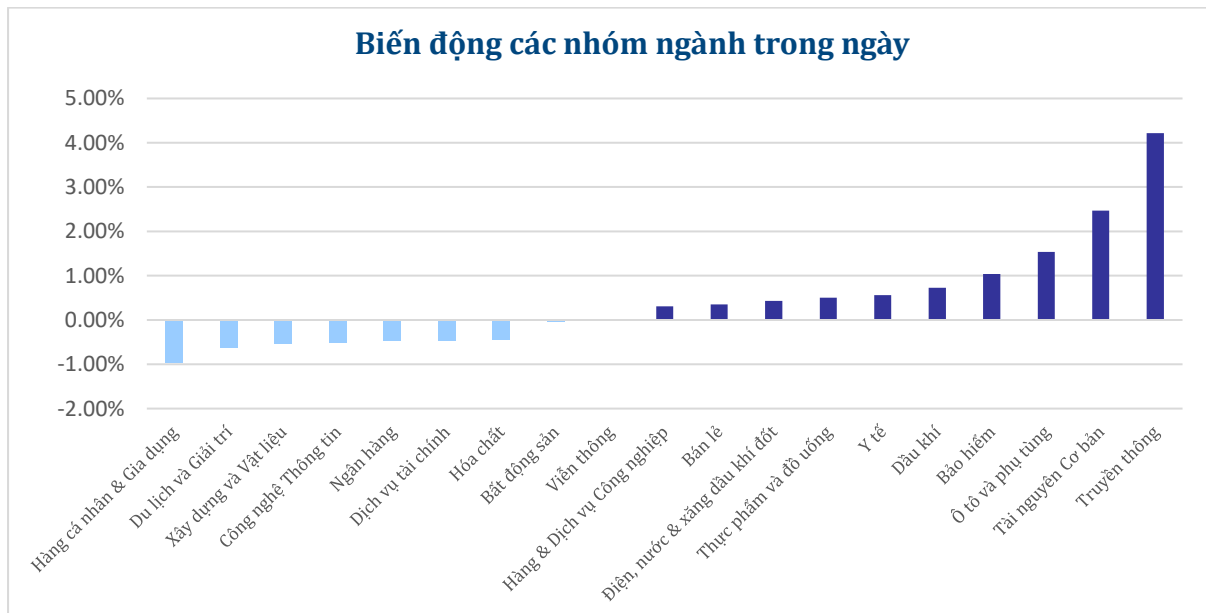
Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HAG	57.95	HPG	1,714.4	AGG	504%	LAS	7.3%	APS	-9.9%
HQC	50.18	GEX	787.2	NT2	492%	HSG	7.0%	DPG	-7.0%
HPG	35.68	SSI	771.5	LAS	340%	NKG	7.0%	HT1	-6.3%
ROS	33.59	HAG	686.9	HT1	248%	HAG	6.7%	PDR	-5.9%
ITA	30.86	NVL	572.5	PET	247%	ITA	6.7%	KSB	-3.2%

**NHÓM NGÀNH**

**Thanh khoản ngành trong ngày**



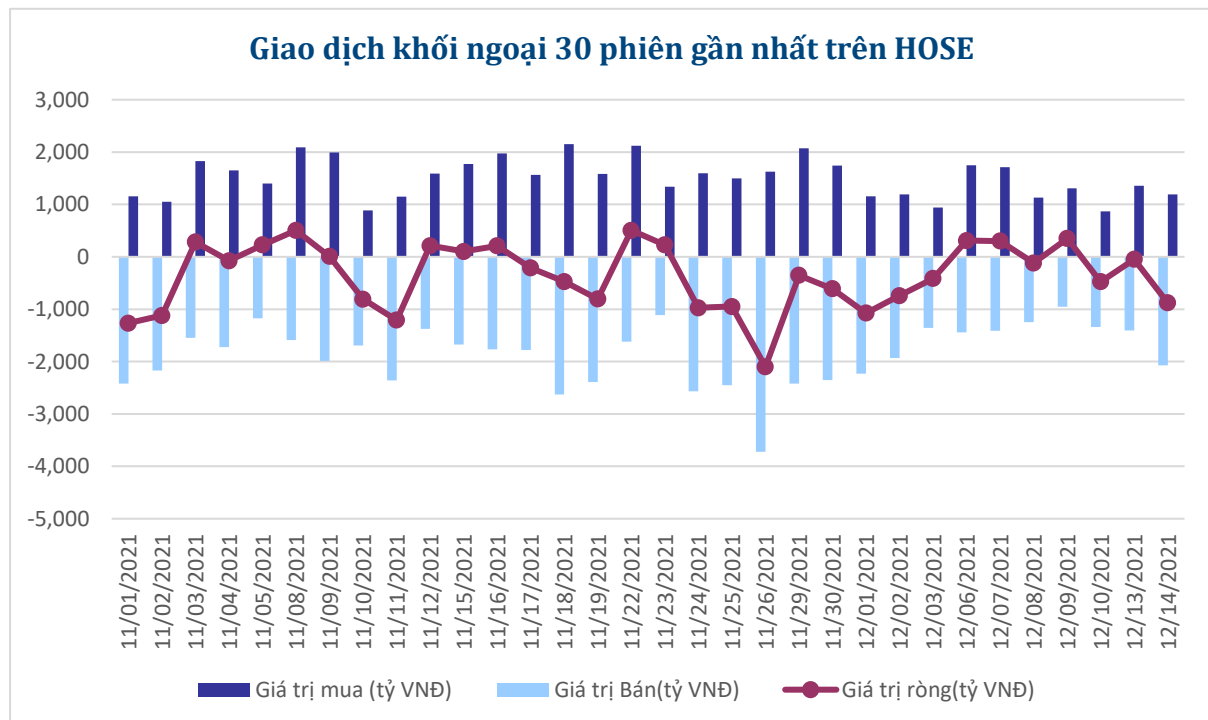
**Biến động các nhóm ngành trong ngày**



**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

Trên HOSE bán ròng 879.28 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 24.74 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VIC	52.14	HPG	532.87
VRE	32.34	VPB	148.09
DGC	27.26	GEX	109.13
ITA	26.45	SSI	63.58
KDH	26.39	HSG	46.09







### XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

### XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

### KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

<b>Thành viên</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Phụ trách</b>	<b>Email</b>	<b>Ext.</b>
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungtth@gtjas.com.vn">nhungtth@gtjas.com.vn</a>	706
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	709

<b>LIÊN HỆ</b>	<b>TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI</b>	<b>CHI NHÁNH TP. HCM</b>
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: <a href="mailto:ivs@gtjas.com.vn">ivs@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696